TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23/3/2026
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lộc

Ông Mai Khắc Tiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường C - Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026, về việc "*Ly hôn*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 03 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Phạm Anh K**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Đ, ấp Đ, xã G, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Hoài U**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: E, ấp V, xã G, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 12 năm 2025, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - Anh Phạm Anh K trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh K và chị U tự nguyện yêu thương tìm hiểu nhau một thời gian thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 98 ngày 07/07/2017.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống bên nhà ngoại. Đến năm 2022, cả hai dọn ra ở trọ tại xã G. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng đã có những mâu thuẫn, cãi nhau, bất đồng quan điểm và có vài lần chị U còn bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống. Do tính chất công việc của anh K là thầy thuốc, bấm huyệt nên chị U không tin tưởng, thông cảm, thấu hiểu được công việc của anh K. Mỗi khi anh K chữa bệnh cho bệnh nhân thì chị U lại ghen tuông vô cớ làm ảnh hưởng đến bệnh nhân của anh K và hai vợ chồng cũng lục đục, cãi nhau. Mâu thuẫn xảy ra càng gay gắt hơn là vào khoảng giữa năm 2025, chị U bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống luôn. Anh K cũng cố gắng tìm cách hòa giải nhưng không được. Trong quá trình sống ly thân, cả hai cũng không liên lạc hay hỏi thăm gì đến nhau. Hiện nay anh K nhận thấy tình cảm đã hết và không thể hàn gắn, hòa giải được nữa nên anh K yêu cầu được ly hôn với chị U.

- *Về con chung:* Vợ chồng anh K và chị U chung sống không có con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh Phạm Anh K và chị Nguyễn Thị Hoài U không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, do bận công việc cá nhân nên anh K xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

Theo biên bản lấy lời khai đề ngày 28 tháng 01 năm 2026 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn - Chị Nguyễn Thị Hoài U trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị U và anh K tự nguyện yêu thương tìm hiểu nhau một thời gian thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 98 ngày 07/07/2017.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống bên nhà ngoại. Đến năm 2022, cả hai dọn ra ở riêng. Thời gian đầu, hai vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên sau đó, hai vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm trong nhiều vấn đề, cả hai đã cho nhau nhiều lần cơ hội để hàn gắn, hòa giải nhưng không thành. Đến đầu tháng 7 năm 2025, chị U dọn về nhà bố mẹ ruột sinh sống và hai vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Trong quá trình sống ly thân, cả hai cũng không quan tâm hay hỏi thăm gì đến nhau. Nay anh K yêu cầu cầu được ly hôn với chị U thì chị U đồng ý. Tuy nhiên, do chị U theo đạo Thiên C nên không đồng ý ký vào hồ sơ ly hôn, đề nghị tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

- *Về con chung:* Vợ chồng chị U và anh K chung sống không có con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Vợ chồng chị U và anh K không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, do bận công việc cá nhân nên chị U xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai phát biểu quan điểm:***

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa. Tuy nhiên, cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung vụ án*:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Phạm Anh K và chị Nguyễn Thị Hoài U được ly hôn.

+ Về con chung: Vợ chồng chung sống không có con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có tranh chấp nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị U hiện đăng ký thường trú và thường xuyên sinh sống tại địa chỉ E, ấp V, xã G, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn – anh Phạm Anh K có yêu cầu ly hôn với bị đơn – chị Nguyễn Thị Hoài U. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Ly hôn".

[1.3] Về tư cách đương sự: Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xác định anh Phạm Anh K là nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Hoài U là bị đơn.

[1.4] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa (Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt). Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Phạm Anh K và chị Nguyễn Thị Hoài U tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 98 ngày 07/07/2017. Căn cứ Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân của anh K và chị U là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Qua trình bày của đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án cho thấy sau khi kết hôn một thời gian, cuộc sống chung của vợ chồng anh K và chị U đã xảy ra mâu thuẫn. Trong cuộc sống chung vợ chồng, anh chị đã thiếu sự tin tưởng, yêu thương và tôn trọng lẫn nhau, hay xảy ra sự bất hòa. Nguyên nhân chủ yếu là do cả hai vợ chồng thiếu sự tin tưởng, cảm thông, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ trong cuộc sống chung của gia đình nên dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Hiện nay, hai vợ chồng không chung sống cùng nhau. Trong quá trình hai vợ chồng sống ly thân thì cả hai vợ chồng cũng không quan tâm hay hỏi thăm đến nhau, cả hai tôn trọng cuộc sống riêng của nhau. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để kêu gọi vợ chồng về đoàn tụ gia đình nhưng chị U không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với anh K và chị U cũng đồng ý ly hôn với anh K.

Theo biên bản xác minh ngày 28/01/2026, địa phương cho biết: *" ... Hiện nay anh K và chị U không còn chung sống với nhau nữa"*.

Xét mâu thuẫn giữa anh K và chị U đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh K là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Anh K và chị U chung sống không có con chung.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh K và chị U đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Anh Phạm Anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai: Về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Anh Phạm Anh K.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho anh Phạm Anh K và chị Nguyễn Thị Hoài U được ly hôn.

2. *Về con chung*: Anh K và chị U chung sống không có con chung.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Anh Phạm Anh K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0013158 ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Nai. Anh Phạm Anh K đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 4 - Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 4 - Đồng Nai;
- UBND xã Gia Kiệm, tỉnh Đồng Nai (GNCKH số 98/2017);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Tuyết Hạnh